**MỤC LỤC**

[**I.** **Các kiến thức chuyên môn liên quan đến hệ thống** 3](#_Toc119855773)

[**1.** **Tổng quan về đồ điện lạnh** 3](#_Toc119855774)

[**2.** **Tổng quan hệ thống Case-base reasoning (CBR)** 3](#_Toc119855775)

[**3.** **Các lỗi có trong hệ thống** 3](#_Toc119855776)

[**3.1.** **Các lỗi về điều hòa** 3](#_Toc119855777)

[3.1.1. Cảm biến điều hòa bị hỏng 3](#_Toc119855778)

[3.1.2. Máy lạnh hết gas 4](#_Toc119855779)

[3.1.3. Máy nén (Block) máy lạnh bị hỏng 5](#_Toc119855780)

[3.1.4. Bo mạch máy lạnh bị hỏng 7](#_Toc119855781)

[3.1.5. Tụ điều hòa bị hỏng 8](#_Toc119855782)

[3.1.6. Lưới lọc điều hòa bị bụi 8](#_Toc119855783)

[3.1.7. Quạt gió giàn lạnh bị hỏng 9](#_Toc119855784)

[3.1.8. Van tiết lưu bị nghẹt 10](#_Toc119855785)

[3.1.9. Ống đồng bị rò gas 10](#_Toc119855786)

[3.1.10. Quạt dàn nóng hỏng 10](#_Toc119855787)

[3.1.11. Mắt thần điều hòa hỏng 11](#_Toc119855788)

[**3.2.** **Các lỗi tủ lạnh** 11](#_Toc119855789)

[3.2.1. Quạt gió của tủ lạnh không hoạt động 11](#_Toc119855790)

[3.2.2. Block của tủ lạnh bị hư hỏng 12](#_Toc119855791)

[3.2.3. Nhiệt toả ra từ tủ lạnh nóng quá mức 13](#_Toc119855792)

[3.2.4. Tủ lạnh bị đóng tuyết 14](#_Toc119855793)

[3.2.5. Tủ lạnh kêu ồn bất thường 15](#_Toc119855794)

[3.2.6. Rơ le nhiệt của tủ lạnh bị hỏng 16](#_Toc119855795)

[3.2.7. Cảm biến của tủ lạnh bị hỏng 17](#_Toc119855796)

[3.2.8. Bo mạch điều khiển của tủ lạnh bị hỏng 17](#_Toc119855797)

[3.2.9. Dàn nóng tủ lạnh bị hỏng 18](#_Toc119855798)

[3.2.10. Tủ lạnh bị hết gas 19](#_Toc119855799)

[3.2.11. Tủ lạnh không bảo quản được thực phẩm 20](#_Toc119855800)

[3.2.12. Tủ lạnh hơi mùi khó chịu 21](#_Toc119855801)

[**II.** **Các dữ liệu được sử dụng trong hệ thống** 22](#_Toc119855802)

[**1.** **Điều hòa** 22](#_Toc119855803)

[**2.** **Tủ lạnh** 22](#_Toc119855804)

[**III.** **Các case có trong hệ thống theo từng lỗi** 24](#_Toc119855805)

[1. Điều hòa 24](#_Toc119855806)

[2. Tủ lạnh 31](#_Toc119855807)

[IV. Trọng số và độ tương đồng 35](#_Toc119855808)

[1. Trọng số 35](#_Toc119855809)

[1.1. Điều hoà 35](#_Toc119855810)

[1.2. Tủ lạnh 36](#_Toc119855811)

[2. Độ tương đồng 37](#_Toc119855812)

[2.1. Điều hòa 37](#_Toc119855813)

[2.2. Tủ lạnh 39](#_Toc119855814)

1. **Các kiến thức chuyên môn liên quan đến hệ thống**
2. **Tổng quan về đồ điện lạnh**
   * Khái niệm đồ điện lạnh

Đồ điện lạnh là từ dùng để chỉ các thiết bị điện liên quan đến nhu cầu sử dụng hằng ngày của con người. Các thiết bị điện này liên quan đến nhu cầu làm nóng, lạnh, tăng-giảm nhiệt độ môi trường bằng cách sử dụng các nguồn năng lượng như điện, gió, ánh nắng mặt trời….

* + Phân biệt đồ điện lạnh và điện dân dụng
* Thiết bị điện dân dụng bao gồm các thiết bị điện được sử dụng trong gia đình như bàn là, nồi cơm điện, bóng đèn , âm ly, máy bơm nước…
* Thiết bị điện lạnh bao gồm các thiết bị làm lạnh công nghiệp, làm lạnh dân dụng, điều hòa không khí như máy lạnh, tủ làm đông, máy giặt….
* Điện lạnh khác điện dân dụng về mặt kỹ thuật được áp dụng cho từng thiết bị
  + Đồ điện lạnh gồm các sản phẩm như:
* Điều hoà, máy lạnh
* Tủ lạnh, tủ mát, tủ đông
* Máy giặt
* Máy sấy quần áo
* Bình tắm nóng lạnh

1. **Tổng quan hệ thống Case-base reasoning (CBR)**

* Case là mô tả chi tiết về một hoặc nhiều vấn đề cần giải quyết, kèm theo mô tả chi tiết về giải pháp cho vấn đề đó.
* Trong hệ thống CBR: thông tin được chứa trong các case (mẫu) thay vì biểu diễn theo luật.
* Khi gặp một vấn đề mới, hệ thống tìm kiếm các mẫu đã có xem có mẫu nào trùng với vấn đề hiện tại. Nếu tìm thấy một mẫu trùng, hệ thống sẽ giải quyết vấn đề bằng giải pháp đã có.
* Đối với hệ thống tư vấn sửa chữa đồ điện lạnh, hệ thống sẽ lưu lại toàn bộ các triệu chứng của đồ điện lạnh theo từng bệnh đã biết. Khi chẩn đoán cho một đồ điện lạnh mới, hệ thống sẽ so sánh các triệu chứng của đồ điện lạnh đó với toàn bộ trường hợp đã lưu rồi đưa ra kết luận bệnh.

1. **Các lỗi có trong hệ thống**
   1. **Các lỗi về điều hòa**
      1. Cảm biến điều hòa bị hỏng

* Cảm biến máy lạnh (sensor) là bộ phận giúp kiểm soát nhiệt độ trên [dàn lạnh](https://websosanh.vn/tin-tuc/dan-lanh-dieu-hoa-cau-tao-chuc-nang-va-c41-20220317094626623.htm) và trong căn phòng mang lại hiệu quả làm mát tối ưu.
* **Dấu hiệu**
* Máy lạnh không thể tự ngắt khi nhiệt độ phòng đạt đến mức nhiệt mà bạn đã cài đặt.
* Động cơ hoạt động liên tục không ngừng nghỉ chỉ khi bạn tắt máy lạnh.
* Nhiệt độ lạnh/ấm không đạt đúng ngưỡng nhiệt mà bạn cài đặt, khi đó bạn sẽ có cảm giác quá lạnh hoặc quá nóng.
* Động cơ liên tục bật/tắt bất thường gây tiêu tốn điện năng và ảnh hưởng tới khả  năng làm mát/sưởi ấm.
* Động cơ máy tự động tắt
* **Nguyên nhân**
* Nhiệt độ trong căn phòng quá cao hoặc có độ ẩm thấp, dễ khiến cho dây cảm biến nhiệt bị biến chất, ảnh hưởng đến khả năng hoạt động của cảm biến điều hòa.
* Sử dụng máy lạnh không đúng cách.
* Không vệ sinh máy lạnh định kỳ khiến các linh kiện bên trong máy lạnh bị bụi bẩn, tắc nghẽn gây ảnh hưởng đến khả năng hoạt động của bộ phận cảm biến.
* Bị côn trùng và động vật (chuột, gián, thằn lằn,…) xâm nhập vào bên trong máy, cắn phá dây cảm biến và nhiều bộ phận khác.
* **Khắc phục**
* **Không nên tự ý tháo gỡ máy lạnh**nếu như bạn không có kiến thức chuyên môn về điện lạnh, vì dễ khiến cho lỗi bị hỏng nặng hơn, gây tốn kém chi phí.
* Nên liên hệ với trung tâm bảo hành, sửa chữa uy tín, nhờ thợ điện lạnh thay thế cảm biến mới phù hợp với dòng máy lạnh.
* [Vệ sinh máy lạnh](https://www.dienmayxanh.com/kinh-nghiem-hay/cach-ve-sinh-may-lanh-602926) thường xuyên, khoảng 6 - 9 tháng/lần tùy theo tần suất sử dụng máy lạnh.
* Có thể sử dụng tấm che phủ máy lạnh để tránh bị côn trùng và động vật nhỏ phá hoại.
  + 1. Máy lạnh hết gas
  + Gas điều hòa là **môi chất làm lạnh**có nhiệm vụ vận chuyển hơi nhiệt từ nơi có nhiệt độ thấp hơn thải đến nơi có nhiệt độ cao hơn. Việc thải nhiệt của gas điều hòa giúp cho nhiệt độ căn phòng được duy trì như đã cài đặt. Do đó, gas điều hòa là thành phần **quan trọng và cần thiết** hỗ trợ máy điều hòa, giúp điều hòa phát đúng nhiệt độ.
  + **Dấu hiệu**
    - Máy lạnh yếu lạnh**:** Khi máy lạnh bị thiếu gas thì dấu hiệu đầu tiên có thể nhận biết được là máy lạnh kém lạnh, tốn rất nhiều thời gian để làm lạnh căn phòng.
    - Không có hơi lạnh phả ra từ dàn lạnh**:** mặc dù có thoát ra hơi gió nhưng không lạnh hoặc rất ít lạnh
    - Máy lạnh chạy liên tục không ngắt: do hết gas không làm lạnh được nên máy phải chạy liên tục
    - Chớp tắt đèn báo lỗi
    - Tự động bật tắt**:** Máy lạnh hoạt độngkhoảng 15 phút tự động bật – tắt cũng là dấu hiệu nhận biết máy lạnh đang bị thiếu gas.
    - Chảy nước trên dàn lạnh**:**Khi máy lạnh bị thiếu gas thì khả năng cao máy đang có dấu hiệu bị xì, làm cho dàn lạnh bám nhiều tuyết thậm chí đông đá bên trong dàn lạnh
    - Bám tuyết trên ống đồng**:** Khi ống đồng bị bám tuyết hoặc rò rỉ nước thì chắc chắn máy lạnh của quý khách đang gặp phải vấn đề rò rỉ và thiếu hụt gas.
  + **Nguyên nhân**
    - Xì đầu tán**:** Xì đầu tán là nguyên nhân thường gặp nhất khiến cho máy lạnh bị thiếu gas. Có nhiều nguyên nhân làm cho đầu tán bị xì như: thời tiết, thời gian sử dụng,… Do đó, trước khi nạp lại gas cần phải xử lý xì đầu tán hoặc thay đầu tán khác
    - Xì dàn nóng hoặc dàn lạnh**:**Nếu sau khi kiểm tra và xử lý đầu tán nhưng vẫn chưa khắc phục được tình trạng thiếu gas trên máy lạnh thì lúc này chúng ta cần phải lên kế hoạch thử xì dàn nóng và dàn lạnh
    - Xì ống đồng**:** Khi ống đồng bị xì, quý khách sẽ phát hiện trên ống đồng bị bám một lớp tuyết. Khi lớp tuyết tan sẽ dẫn đến trường hợp rò rỉ nước trên ống đồng. Trường hợp này thường làm cho tường nhà chổ khu vực ống đồng bị ẩm mốc, thậm chí chảy nước trong nhà.
  + **Khắc phục**
    - Nếu đã xác định được máy lạnh bị thiếu gas, cần phải bơm gas đầy đủ vào cho máy. Nên nhờ đến những nhân viên kỹ thuật, họ sẽ thực hiện đảm bảo an toàn, cũng như có thể kiểm tra máy điều hòa cho bạn.
    1. Máy nén (Block) máy lạnh bị hỏng
* Máy nén là thiết bị trung gian giữa dàn nóng và dàn lạnh, đây là bộ phận chuyển đổi chất làm mát áp suất thấp từ dàn nóng thành khí lạnh áp suất cao, nóng khi di chuyển vào dàn lạnh. Được coi như trái tim của hệ thống làm lạnh điều hòa, đảm bảo quá trình làm lạnh của cả hệ thống.
* **Dấu hiệu**
  + Block điều hòa bị nóng bất thường, quạt dàn nóng không phả ra hơi nóng.
  + Máy chạy không ổn định, máy hoạt động nhưng nhiệt độ phòng lúc nóng, lúc lạnh hoặc có lúc không lạnh
  + Đường ống đồng, đầu nối ống bị bám tuyết làm cho điều hòa có dấu hiệu [rỉ nước](https://www.dienmayxanh.com/kinh-nghiem-hay/lam-gi-khi-may-lanh-chay-nuoc-676158), [bám tuyết](https://www.dienmayxanh.com/kinh-nghiem-hay/dan-lanh-dieu-hoa-bi-dong-tuyet-nguyen-nhan-va-cac-973918).
  + Quạt dàn nóng và dàn lạnh hoạt động bình thường nhưng hơi lạnh phả ra không lạnh mà chỉ có gió, có khi còn phả ra hơi nóng từ dàn lạnh.
  + Dàn nóng điều hòa có tiếng kêu lạ, chạy có tiếng ồn và kêu rất to.
  + Dàn nóng không gây tiếng ồn
  + Máy nén khởi động chậm: nghe thấy tiếng ‘tạch’ liên tục phát ra từ cục nóng trong quá trình khởi động.
  + Dàn nóng bị đóng ngắt liên tục.
* **Nguyên nhân**

Lắp đặt điều hòa sai kỹ thuật.

* + Lắp đặt sai vị trí, dàn nóng lắp đặt ngoài trời bị nắng chiếu trực tiếp vào mà không có vật che chắn dẫn đến dàn nóng không trao đổi được nhiệtgây ra quá tải.
  + Nguồn điện cung cấp cho điều hòa không ổn định dễ gây chập cháy, hư hỏng block.
  + Điều hòa có công suất nhỏ nhưng lại lắp đặt vào phòng có diện tích lớn, vượt quá quy định của nhà sản xuất khiến máy chạy liên tục không nghỉ nên dẫn tới quá tải.
  + Do người dùng sử dụng lâu ngày mà không thực hiện bảo dưỡng, bảo trì, vệ sinh và nạp gas đầy đủ, định kì cho máy.
  + Điều hòa bị bám quá nhiều bụi bẩn dẫn tới khả năng làm lạnh kém và block phải làm việc liên tục.
  + Lỗi board điều khiển dẫn tới mất nguồn đến máy nén, gây ra hở mạch.
  + Motor quạt ngừng quay và quạt dàn nóng yếu đi hoặc không hoạt động nữa.
* **Khắc phục**
  + Lốc điều hòa là một bộ phận có cấu trúc phức tạp. Khi phát hiện một trong những dấu hiệu lốc điều hòa đang gặp sự cố như bên trên, tốt hơn hết bạn nên liên hệ thợ điện lạnh chuyên nghiệp để được hỗ trợ kiểm tra và khắc phục kịp thời.
  + Đồng thời, bạn cần chú ý đặt dàn nóng ở nơi thoáng mát, tránh tác động trực tiếp bới các nhân tố môi trường.
  + Người dùng nên vệ sinh hệ thống điều hòa thường xuyên, nhất là vào mùa nóng. Việc vệ sinh giúp loại bỏ bụi bẩn giúp hệ thống hoạt động hiệu quả hơn, tránh việc quá tải, dẫn đến sự cố hỏng hóc đáng tiếc.
    1. Bo mạch máy lạnh bị hỏng
* Board (Bo) Mạch là bộ phận trung tâm của máy lạnh, đây là nơi tập trung nhiều linh kiện phức tạp. Bo mạch chịu trách nhiệm liên kết các linh kiện lại với nhau, giữa các linh kiện sẽ được giao tiếp với nhau qua bảng mạch trên bo mạch.
* **Dấu hiệu**
  + Máy lạnh không khỏi động được
  + Đèn máy chớp tắt liên tục.
  + Máy hoạt động 5, 10, 30 phút rồi tự động tắt.
  + Nhiệt độ máy tỏa ra không giống như trên hiển thị.
  + Báo các mã lỗi trên màn hình điều khiển máy lạnh.
  + Máy không nhận nguồn điện vào, bo mạch ngắt nguồn đột ngột.
  + Điều hòa không hoạt động, không nhận tín hiệu từ remote.
  + Đèn hiển thị nhiệt độ trên dàn lạnh không giống trên remote.
  + Sử dụng điều khiển để tắt nguồn nhưng máy vẫn chạy/không tắt hẳn.
  + Nhiệt độ máy tỏa ra lạnh/nóng hơn hiển thị trên remote.
* **Nguyên nhân**
  + Máy lạnh lắp đặt không đúng cách
  + Nguồn điện bị chập chờn, không ổn định
  + Máy lạnh sử dụng không đúng (mở điều hòa 24/24, nhiệt độ thấp hon môi trường, thay đổi nhiệt độ liên tục)
  + Dây diện bị đứt
* **Khắc phục**
  + Sửa chữa Board máy lạnh là một công việc cực kỳ phức tạp, nên bạn không thể tự giải quyết tại nhà. Cần có những người có chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm để có thể kiểm tra, phát hiệu nguyên nhân và có cách giải quyết hiệu quả.Và cần những dụng cụ chuyên dụng để khắc phục sự cố. Vì vậy bạn nên liên hệ với trung tâm sửa chữa để có thể giải quyết.
    1. Tụ điều hòa bị hỏng
* Tụ điều hòa chính là bộ phận kích block máy nén điều hòa khởi động. Tụ điều hòa còn gọi là tụ kích, được nối trực tiếp với các block thông qua chân chung và chân khởi động của block điều hòa, vị trí nằm ở phía trong của dàn nóng [máy lạnh](https://websosanh.vn/dieu-hoa-may-lanh/cat-51.htm).
* **Dấu hiệu**
  + Điều hòa sau khi chạy một thời gian, dàn lạnh không thổi hơi lạnh.
  + Khi động cơ máy nén được cấp điện nhưng không thể khởi động và điều hòa không lạnh.
  + Block điều hòa không chạy và cánh quạt cũng không chạy, thỉnh thoảng nghe tiếng è è nhỏ rồi lại tắt.
  + Bị cháy tụ
  + Điều hòa bị rò điện
* **Nguyên nhân**
  + Hoạt động quá công suất: Chạy điều hòa ở nhiệt độ thấp (dưới 20 độ C) trong thời gian dài; Sử dụng điều hòa 24/7
  + Nguồn điện không ổn định
  + Nhiệt độ quá nóng: Đặt cục nóng ở vị trí không thích hợp có nhiệt độ cao.
* **Khắc phục**
  + Để khắc phục tình trạng tụ điều hòa bị hỏng chỉ có 1 cách duy nhất là cần mua và thay tụ mới.  Lưu ý khi mua tụ điều hòa bạn cần chọn mua đúng loại với tụ điện cũ trước đó máy sử dụng để đảm bảo sự đồng bộ.
  + Nếu không có chuyên môn, nên liên hệ thợ sửa điều hòa để được khắc phục kịp thời
    1. Lưới lọc điều hòa bị bụi
* Lưới lọc bụi điều hòa hay phin lọc bụi điều hòa có chức năng lọc các loại bụi bẩn, vi khuẩn và các chất độc hại có trong không khí giúp mang lại cho không gian bầu không khí trong lành và an toàn hơn cho sức khỏe của người dùng
* **Dấu hiệu**
  + Điều hòa làm mát kém
  + Điều hòa chạy có gió nhưng ko có hơi lạnh
  + Dàn lạnh bị rỉ nước
  + Có mùi hôi
* **Nguyên nhân:** Việc không vệ sinh điều hòa sau một thời gian dài sử dụng sẽ khiến cho lưới lọc điều hòa bị bám đầy bụi bẩn.
* **Khắc phục:**
  + Nếu máy lắp ở vị trí dễ dàng và không bị quá bẩn: Bạn có thể tự tiến hành vệ sinh dàn lạnh điều hòa  nhà bằng cách tháo và sửa sạch lưới lọc, quạt gió...
  + Nếu máy lắp ở vị trí khó thao tác và bị bẩn nhiều: Bạn nên gọi thợ kỹ thuật của công ty đến bảo dưỡng. Để điều hòa sử dụng được ổn định nên bảo dưỡng 6 tháng 1 lần và nên gọi thợ uy tín để đảm bảo chất lượng.
    1. Quạt gió giàn lạnh bị hỏng
* **Quạt dàn lạnh** là một trong những linh kiện vô cùng quan trọng trong cấu tạo của máy lạnh, đóng vai trò là hệ thống làm mát nằm sau tấm lưới sắt chỉnh hướng gió, chạy dọc theo dàn lạnh có tác dụng thổi hơi lạnh ra ngoài giúp làm mát căn phòng.
* **Dấu hiệu:**
  + Không thấy gió thổi ra từ bên trong máy lạnh
  + Đèn báo lỗi chớp liên tục
  + Điều hòa có hiện tượng chảy nước
  + Ống đồng bị bám tuyết
  + Điều hòa phát ra tiếng kêu to
* **Nguyên nhân**
  + Sử dụng những chiếc quạt lâu ngày nhưng bạn quên tra dầu khiến quạt bị bó cơ, không có đàn hồi
  + Tụ quạt bị hỏng hoặc đứt dây nguồn, đứt các mối nối cũng là nguyên nhân làm cho quạt không thể quay
  + Động cơ quạt bị chạm vào vỏ hoặc ngắt mạch
  + Các board mạch bị hỏng làm cho chân điều khiển tắt mở trên quạt không có đầu ra.
* **Khắc phục**:
  + Bởi những chiếc quạt này thiết kế nằm ở trong dàn, việc tháo gỡ để kiểm tra bên trong là không thể nếu bạn không phải là người có chuyên môn. Vì vậy bạn nên liên hệ thợ sửa điều hòa để được hỗ trợ sửa chữa
    1. Van tiết lưu bị nghẹt
* Van tiết lưu máy lạnh là loại van được dùng ở hệ thống làm lạnh của máy lạnh. Nhiệm vụ chính của van tiết lưu là vận chuyển [gas](https://www.dienmayxanh.com/kinh-nghiem-hay/gas-dieu-hoa-la-gi-co-may-loai-cach-do-ap-suat-g-1416312) từ **trạng thái lỏng** sang **trạng thái hơi** để cung cấp hơi lạnh tạo ra không khí mát mẻ bên trong phòng của bạn.
* **Dấu hiệu**
  + Máy lạnh không lạnh hoặc làm lạnh rất yếu.
  + Máy lạnh chảy nước ở dàn lạnh.
  + Máy lạnh bị bám tuyết ở dàn lạnh hoặc trên ống đồng.
  + Máy lạnh chạy và dừng liên tục
  + Quạt gió ở dàn nóng không nóng.
* **Khắc phục**: Cần thay van tiết lưu mới cho máy lạnh, vì khi van bị nghẹt sẽ không thể khắc phục hoàn toàn.
  + 1. Ống đồng bị rò gas
* Ống đồng máy lạnh còn được biết đến với tên gọi là **ống dẫn gas.** Ống đồng sẽ**giúp cho gas lưu thông từ máy lạnh về cục nóng và ngược lại.**
* **Dấu hiệu**
  + **Ngửi thấy mùi gas trong phòng lắp điều hòa. Đặc biệt phòng kín thì mùi gas càng nồng nặc và cảm nhận rõ hơn.**
  + **Điều hòa vẫn chạy nhưng không mát**
  + **Điều hòa bị chảy nước**
  + **Đóng tuyết ở ống nhỏ dàn nóng**
  + **Lốc và quạt dàn nóng vẫn chạy nhưng gió thổi ra từ dàn nóng không nóng lắm**
  + **Máy nháy đèn báo lỗi hoặc ngưng hoạt động**
* **Khắc phục**
  + **Tiến hành kiểm tra đường ống để phát hiện các chỗ rò rỉ**
  + **Nếu mối rỏ nhỏ, ít cần hàn lại điểm bị rò rỉ. Nếu mối rò lớn, nhiều cần cân nhắc thay thế đường ống mới.**
  + **Nạp lại phần gas mất đi do rò rỉ**
    1. Quạt dàn nóng hỏng
* Quạt dàn nóng là thiết bị giúp tản nhiệt cho dàn nóng của máy điều hòa bằng cách hút không khí bên ngoài thổi vào trong dàn nóng giúp quá trình trao đổi nhiệt dàn nóng diễn ra tốt hơn.
* **Dấu hiệu**
  + Quạt không chạy, chạy yếu trong khi tiếng ồn vấn phát ra từ cục nóng
  + Quạt lúc chạy, lúc không, hiệu suất làm mát kém
* **Khắc phục**
  + Kiểm tra nguồn điện từ dàn lạnh đến dàn nóng
  + Kiểm tra quạt có bị kẹt do bị các dị vật mắc vào như: cây, túi nilon
  + Sau khi kiểm tra, xử lý các cách trên mà không được thì cần liên hệ với trung tâm sửa chữa để kiểm tra.
    1. Mắt thần điều hòa hỏng
* Mắt thần điều hoà thực ra chính là mắt (đèn) nhận tín hiệu, giúp điều hoà và điều khiển (remote) có thể giao tiếp dữ liệu với nhau. Cụ thể là người dùng có thể điều chỉnh tăng, giảm, đóng, mở điều hòa thông qua điều khiển, mắt thần sẽ nhận tín hiệu và truyền tới các cơ quan khác của điều hoà để điều hoà hoạt động theo ý người dùng.
* **Dấu hiệu**
  + Khả năng nhận tín hiệu từ remote sẽ kém đi, lúc được lúc không hoặc không nhận được tín hiệu
  + Remote còn pin và hoạt động bình thường
* **Khắc phục**
  + Liên hệ với trung tâm sửa chữa để được nhân viên kỹ thuật kiểm tra và thay thế mắt thần.
  1. **Các lỗi tủ lạnh**
     1. Quạt gió của tủ lạnh không hoạt động
* **Quạt gió tủ lạnh là một thiết bị bên trong tủ lạnh vận chuyển điều hòa khí lạnh đi khắp các ngõ ngách, đi từ ngăn đông – ngăn mát tủ lạnh và giúp thực phẩm lưu trữ dài hạn hơn. Chức năng chính của quạt gió là hút các nguồn lạnh từ dàn lạnh thổi ra buồng lạnh và buồng mát.**
* Dấu hiệu nhận biết
* Tủ lạnh kém lạnh hoặc không lạnh
* Tủ lạnh bị đóng đá, tuyết dày đặc và bám vào quạt tủ lạnh
* Nguyên nhân quạt gió của tủ lạnh không hoạt động
* **Do công tắc cửa bị hư hỏng**: Trong quá trình sử dụng, bạn đóng mở cửa không đúng cách và làm gãy công tắc hoặc do lỗi từ nhà sản xuất
* Bộ phận xả tuyết không hoạt động: Tủ lạnh không thể chuyển qua chương trình làm lạnh. Từ đó, khiến cho quạt gió không thể hoạt động.
* Có vật cản bên trong quạt khiến quạt không thể hoạt động: Do sử dụng trong thời gian dài không bảo dưỡng tủ lạnh, khiến đá bên trong đóng thành từng mảng nhỏ và tích tụ lâu ngày chạm tới mép quạt.
* Quạt bị hư hỏng: Khi tủ lạnh sử dụng lâu ngày, những bộ phận của tủ dần hư hỏng, trong đó quạt bị hư hỏng cũng là chuyện thường gặp.
* Cách khắc phục:
* Để khắc phục tình trạng này, bạn hãy rút tủ ra khoảng 24 tiếng rồi cắm lại.
* Nếu quạt bị hư hỏng, bạn hãy thay quạt mới cho tủ lạnh
* Bạn cũng nên vệ sinh tủ lạnh theo định kỳ, 4 - 5 tuần một lần, vừa nâng cao tuổi thọ vừa tránh tình trạng quạt tủ bị kẹt.
* Hãy tìm đến sự giúp đỡ của người có chuyên môn hoặc mang đến HyuK Refrigeration để kiểm tra
  + 1. Block của tủ lạnh bị hư hỏng
* Block tủ lạnh là bộ phận dùng để luân chuyển của môi chất lạnh trong hệ thống ống dẫn từ dàn lạnh sang dàn nóng và ngược lại. Block tủ lạnh đóng vai trò quan trọng như trái tim của tủ lạnh. Nếu block tủ lạnh hoạt động yếu sẽ gây ra hiện tượng tủ lạnh không lạnh hoặc kém lạnh.
* Dấu hiệu nhận biết
* Đèn của tủ lạnh vẫn phát sáng nhưng tủ không lạnh
* Block tủ lạnh kêu to, nhiệt độ bên trong không ổn định
* Máy néntủ lạnh đóng ngắt liên tục
* Bên dàn làm lạnh, ống đồng có dấu hiệu tia nước bắn ra hoặc tuyết bám.
* Nguyên nhân
* Bảo quản quá nhiều thực phẩm trong tủ lạnh: Nếu cho quá nhiều thực phẩm vào tủ không chỉ bảo quản thực phẩm không tươi ngon, mà còn ảnh hưởng đến độ bền của thiết bị, vì tủ lạnh phải hoạt động liên tục để đáp ứng nhu cầu làm lạnh lượng thực phẩm bạn cho vào.
* Đóng mở tủ liên tục: Người dùng hãy đóng mở cửa tủ liên tục, khiến Block phải làm việc hết năng suất và dẫn đến hư hỏng.
* Nguồn điện không ổn định: Nếu nguồn điện vận hành cho tủ lạnh không ổn định, thì dễ làm cho block dẫn đến hiện tượng chập cháy, chập chờn và ngắt nguồn điện không đúng quy định, làm cho Block bị hỏng.
* Vị trí đặt tủ lạnh và nhiệt độ môi trường xung quanh: Do đặt tủ gần nơi có ánh mặt trời chiếu vào hay những nơi có nhiệt độ cao, không gian hai bên và phía sau tủ không đủ rộng. Những lý do đó dẫn đến Block phải làm việc trong trạng thái quá tải và dẫn đến hư hỏng.
* Cửa tủ đóng không kín: Nếu tình trạng này xảy ra, sẽ làm cho hơi lạnh trong tủ bay hơi ra ngoài, nhiệt độ trong tủ không lạnh để bảo quản thực phẩm và khiến Block phải hoạt động hết năng suất.
* Hư hỏng bộ cảm biến nhiệt độ và các linh kiện khác: Bộ cảm biến có nhiệm vụ thông báo tín hiệu cho Block nghỉ ngơi. Vì thế, bộ cảm biến hư thì sẽ khiến Block làm việc quá tải, liên tục, tương tự với các linh kiện khác bị hư hỏng. Khi bạn thấy thức ăn ngăn mát sẽ bị bám tuyết hoặc đông đá, thì chứng tỏ bộ cảm biến nhiệt độ đã bị hư hỏng.
* Do bị đứt gãy các ống gas hay dây cáp tròn quá trình di chuyển thay đổi vị trí: Nếu khí gas trong tủ bị hao hụt, thì có thể làm cho quá trình trao đổi nhiệt bị ảnh hưởng dẫn tới cháy block.
* Cách khắc phục
* Bạn hãy chọn lọc lại lượng thực phẩm và bảo quản với số lượng vừa đủ.
* Nếu nguồn điện nơi bạn sống hay bị yếu và chập chờn, bạn hãy trang bị cho tủ một bình điện áp, để đảm bảo nguồn điện luôn ổn định.
* Đặt tủ lạnh ở nơi có vị trí thoáng mát, tránh nơi ẩm ướt, nhiệt độ cao và ánh sáng mặt trời. Cách phía sau khoảng **10 cm** và hai bên tủ khoảng **2 cm**với các đồ vật khác.
* Sau khi lấy thực phẩm hay cho thực phẩm vào tủ, bạn hãy kiểm tra thật kỹ xem tủ đã được đóng kín hay chưa.
* Thay ống dẫn gas mới.
* Hãy nhờ đến sự giúp đỡ của thợ sửa chữa chuyên nghiệp hoặc mang đến HyuK Refrigeration để kiểm tra
  + 1. **Nhiệt toả ra từ tủ lạnh nóng quá mức**
* Dấu hiệu nhận biết
* Tủ lạnh nóng lên
* Khi mở tủ thấy gioang cao su không còn bám chặt cánh tủ hoặc bị rách
* Nguyên nhân
* Gioăng cao su ở cửa tủ lạnh bị hở hoặc rách, khiến luồng khí lạnh bị thất thoát ra ngoài và tủ phải hoạt động hết công suất để bù lại lượng nhiệt đã mất
* Đặt tủ lạnh ở gần các thiết bị toả nhiệt như: lò sưởi, bếp,… hay vị trí có ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp
* Để tủ lạnh quá sát tường khiến tủ lạnh không có khoảng trống để toả nhiệt
* Cách khắc phục
* Nếu gioăng cao su hở hoặc rách:

Bước 1: Sử dụng nhiệt để dính chặt vào cửa tủ  
Đầu tiên, bạn tháo gioang cao su ra khỏi tủ lạnh và rửa sơ qua nước nóng, rồi dùng khăn để lau khô. Tiếp đó, bạn gắn gioang cao su vào vị trí cửa tủ như ban đầu. Đồng thời, bạn có thể dùng thiết bị tạo nhiệt để phục hồi lại độ đàn hồi và giúp cho gioang cao su dính chặt vào cửa hơn.

Bước 2: Đóng cửa tủ lại để gioăng cao su dính chặt vào tủ lạnh

Sau khi đã gắn gioang cao su vào vị trí cũ, bạn đóng lại cửa tủ và có thể dùng ghế để chặn cửa tủ khoảng vài tiếng. Điều này sẽ giúp cho gioang cao su được cố định hình dạng và dính chặt hơn vào đường viền cửa tủ.

* Để tủ lạnh cách tường phía sau khoảng 10cm và hai bên là 2cm để đảm bảo đủ khoảng trống cho tủ lạnh có thể tỏa nhiệt đồng thời phải tránh các thiết bị toả nhiệt và ánh sáng trực tiếp từ mặt trời
  + 1. Tủ lạnh bị đóng tuyết
* Đây là hiện tượng tuyết (hay còn gọi là đá xốp) xuất hiện và bám vào thành tủ cũng như thực phẩm được bảo quản ở bên trong tủ ngày càng nhiều. Nếu lớp tuyết trong tủ ngày càng dày và không tìm được cách khắc phục thì sẽ gặp phải nhiều trở ngại trong việc trữ đông thực phẩm như: Thiếu không gian dự trữ, giảm khả năng làm lạnh và làm hiệu suất hoạt động của tủ kém đi
* Dấu hiệu nhật biết
* Ngăn đá trên của tủ lạnh thường xuất hiện một lớp tuyết dày đặc bám bên trong
* Nguyên nhân
* Thói quen sử dụng tủ lạnh không tốt: Mở cửa tủ lạnh quá lâu hoặc mở quá thường xuyên, cửa ngăn đá bị hở, bảo quản thực phẩm còn nóng trong tủ lạnh,...
* Không vệ sinh tủ lạnh thường xuyên. Khiến cho tủ lạnh có mùi, bánh răng bị bào mòn, bị kẹt do bụi bẩn hoặc khô mỡ do lâu ngày không vệ sinh khiến quá trình truyền nhiệt giảm mạnh. Do đó, tủ lạnh dễ bị đọng nước và đóng tuyết
* Rơ-le (Timer) không đóng sang tiếp điểm xả đá: Nếu rơ-le không đóng sang tiếp điểm, chế độ xả đá sẽ bị ngắt, khiến cho quá trình xả đá bị gián đoạn
* Cầu chì nhiệt bị đứt: Nếu cầu chì nhiệt bị đứt, bộ phận xả đá sẽ ngưng hoạt động, dẫn đến việc tủ lạnh đóng tuyết.
* Điện trở gia nhiệt bị đứt: Nếu điện trở gia nhiệt bị đứt, lượng điện năng sẽ khó có thể kiểm soát, dẫn đến việc tủ lạnh vận hành không ổn định, dễ bị hỏng hóc.
* Cách khắc phục
* Tự khắc phục

**Bước 1:** **Ngắt nguồn điện**  
Đầu tiên, bạn phải ngắt hết nguồn điện vào tủ lạnh để đảm bảo an toàn khi sửa tủ lạnh và tránh lãng phí nguồn điện năng.  
**Bước 2: Lấy hết thực phẩm trong tủ lạnh ra ngoài**  
Sau khi ngắt điện, bạn phải lấy hết thực phẩm trong tủ lạnh ra ngoài để đảm bảo vệ sinh. **Bước 3:** **Lấy khay đựng đá và khay đựng thức ăn ra ngoài**  
Lấy từ từ các khay đựng đá và ngăn đựng thức ăn ra ngoài.

**Bước 4:** **Quấn vải hoặc lót giấy xung quanh tủ lạnh**  
Khi mở tủ lạnh và tủ ngừng hoạt động, đá sẽ tan chảy ra thành nước. Do đó, để đảm bảo vệ sinh, bạn nên lót giấy hoặc vải trên nền xung quanh tủ lạnh để ngăn không cho nước chảy lênh láng ra ngoài.

**Bước 5: Mở cửa tủ lạnh, chờ cho tuyết trên ngăn đá tan ra**  
Mở tất cả các cửa của tủ lạnh ra, đồng thời cho một ca nước nóng để bên trong tủ lạnh, mục đích là làm cho đá nhanh tan hơn.  
**Bước 6:** **Dùng khăn mềm lau sạch nước trong tủ lạnh**  
Trường hợp lớp đá nhiều quá, bạn nên chuẩn bị một cái chậu để hứng nước đá. Những khay đựng đá và thức ăn cần phải vệ sinh thật sạch sẽ để đảm bảo vệ sinh thực phẩm.  
**Bước 7: Lau lại tủ lạnh bằng khăn khô**  
Lau tủ lạnh lại một lần nữa cho thật sạch bằng khăn khô. Chú ý không làm rách phần đệm bằng cao su ở cửa đóng mở tủ lạnh.  
**Bước 8:** **Đặt khay và thực phẩm vào vị trí cũ**  
Đặt các khay thức ăn vào tủ lạnh và khay đá vào vị trí cũ, cắm điện và chờ tủ đủ lạnh thì mới cho thức ăn vào sau nhé. Để làm giảm hiện tượng đông đá trong thành tủ lạnh, bạn nên thoa một lớp dầu thực vật quanh thành

* **Nếu vẫn không khắc phục được tình trạng trên** hãy nhờ đến sự giúp đỡ của thợ sửa chữa chuyên nghiệp hoặc mang đến HyuK Refrigeration để kiểm tra
  + 1. Tủ lạnh kêu ồn bất thường
* Dấu hiệu nhận biết
* Tủ lạnh nhà bạn **phát ra tiếng kêu "bục bục"** khi máy đang vận hành
* Nguyên nhân
* Một trong những nguyên nhân khiến tủ lạnh rung, kêu to bất thường xuất phát từ những tấm nam châm được trang trí trên tủ lạnh, đồ vật đặt trên nóc tủ hoặc vỏ tủ lạnh bị lỏng, tạo ra những âm thanh trong quá trình hoạt động.
* Tủ lạnh có dung tích càng lớn thì công suất hoạt động càng mạnh. Do đó, trong quá trình sử dụng bạn sẽ nghe thấy những tiếng kêu lớn.
* Các dòng [tủ lạnh không đóng tuyết](https://www.dienmayxanh.com/kinh-nghiem-hay/cong-nghe-khong-dong-tuyet-tren-tu-lanh-la-gi-585934) thường phát ra tiếng kêu to hơn khi đang vận hành. Vì khi tủ hoạt động một thời gian dài, tuyết sẽ bị đóng trên dàn, [rơ-le](https://www.dienmayxanh.com/kinh-nghiem-hay/ro-le-nhiet-tu-lanh-la-gi-cau-tao-vai-tro-cua-r-1371071)  phải xả băng làm phát ra tiếng ồn lạch cạch.
* Cách khắc phục
* Để khắc phục những âm thanh này, bạn nhấn mạnh vào 2 bên thân tủ lạnh để chắc chắn rằng vỏ tủ được đóng khít.   
  Hạn chế trang trí các tấm nam châm trên cửa tủ và tốt nhất, bạn không nên đặt bất kỳ đồ vật nào trên nóc tủ để giúp quá trình thoát hơi nóng hiệu quả.
* Nếu là tiếng ồn bình thường và thường không kéo dài thì đây là hiện tượng rất bình thường và kết thúc sớm, bạn cứ yên tâm sử dụng nhé
  + 1. Rơ le nhiệt của tủ lạnh bị hỏng
* Đây là thiết bị có thể **tự động đóng**, **ngắt mạch**khi dòng điện có dấu hiệu quá tải. Các rơ le nhiệt này hoạt động dựa trên sự giãn nở của các thanh kim loại khi bị đốt nóng. Rơ le nhiệt tủ lạnh có vai trò giúp cho tủ lạnh hoạt động bền bỉ và ổn định hơn, giảm thiểu mức độ hư hỏng do dòng điện rơi vào trạng thái không ổn định trong quá trình sử dụng điện.
* Dấu hiệu nhận biết
* Tủ lạnh hoạt động liên tục, dường như là 24/24 và không có dấu hiệu ngắt[.](https://suatulanh24h.net/5-buoc-thay-sua-ro-le-tu-lanh-nhanh-chong-tiet-kiem-chi-phi/)
* Nhiệt độ lạnh quá mức khiến cho hơi lạnh thoát ra ngoài mặc dù nhiệt độ đang ở mức thấp nhất[.](https://suatulanh24h.net/5-buoc-thay-sua-ro-le-tu-lanh-nhanh-chong-tiet-kiem-chi-phi/)
* Ngăn mát đựng thực phẩm bị đóng tuyết, đóng đá.
* Tủ lạnh không làm lạnh được hoặc làm lạnh yếu.
* Nguyên nhân
* Do thanh lưỡng kim gặp vấn đề hỏng hóc hoặc do quá trình tiếp xúc của thanh lưỡng kim không tốt làm cho thanh công lớn, mở tiếp điểm.
* Cách khắc phục
* Đối với trường hợp này bạn nên thay rơ le nhiệt mới để tủ lạnh hoạt động được bình thường
* Những lưu ý dưới đây để việc thay rơ le tủ lạnh được thực hiện an toàn và hiệu quả nhé:  
  - Cần thay rơle tủ lạnh cầu chì phù hợp chính hãng để đảm bảo sự ổn định trong hoạt động của tủ lạnh.  
  - Trước khi thay rơ le tủ lạnh cần tìm ra nguyên nhân để có thể hướng dẫn sửa rơle để có thể tiết kiệm chi phí  
  - Đảm bảo an toàn về điện khi sửa chữa bộ xả chạy
* **Nếu vẫn không khắc phục được tình trạng trên** hãy nhờ đến sự giúp đỡ của thợ sửa chữa chuyên nghiệp hoặc mang đến HyuK Refrigeration để kiểm tra
  + 1. Cảm biến của tủ lạnh bị hỏng
* Đây là linh kiện quan trọng giúp hệ thống điều khiển kiểm soát mức nhiệt độ trong tủ lạnh tốt nhất. Thông qua cảm biến tủ lạnh có tác dụng nhận biết, cảm nhận độ lạnh trong tủ. Qua đó báo cho hệ thống vi xử lý biết khi nào nên chạy lạnh, khi nào thì dừng
* Dấu hiệu nhận biết
* **Tủ lạnh chạy ngắt liên tục**
* **Tủ lạnh không lạnh không đông đá**
* **Tủ lạnh không chạy**
* **Tủ lạnh kêu to**
* **Tủ lạnh đóng tuyết ngăn đá**
* Nguyên nhân
* Sau một thời gian sử dụng, tủ lạnh thường hay bị hư hỏng cảm biến nhiệt độ
* Sử dụng tủ lạnh không đúng cách
* **Không vệ sinh tủ lạnh định kỳ**
* Cách khắc phục
* Trường hợp cảm biến tủ lạnh bị hỏng cách tốt nhất là bạn nên đến HyuK Refrigeration để kiểm tra cũng như thay mới
* Việc kiểm tra các linh kiện bên trong tủ lạnh cần được thực hiện bởi các kỹ thuật viên có chuyên môn. Không nên tự ý tháo rời tủ lạnh vì cần phải có dụng cụ chuyên dụng.
* Nên lựa chọn linh kiện chính hãng hoặc cùng loại với linh kiện cũ. Tránh hư hỏng các linh kiện khác
  + 1. Bo mạch điều khiển của tủ lạnh bị hỏng
* Board mạch tủ lạnh là nơi tập trung của nhiều vi mạch điện tử phức tạp để điều khiển mọi hoạt động của tủ lạnh. Ở các dòng tủ lạnh board mạch được tích hợp các chức năng thông minh như tự ngắt điện khi tủ lạnh đủ độ lạnh, tự xả đá(xả tuyết), làm đá tự động, hiển thị màn hình cảm ứng để điều chỉnh nhiệt độ,…
* Dấu hiệu nhận biết
* Block tủ lạnh không chạy
* Tủ lạnh chớp đèn hoặc thậm chí đèn tủ lạnh không sáng
* Dàn nóng tủ lạnh có tình trạng đóng ngắt liên tục
* Tủ lạnh phát ra tiếng kêu tít tít
* Tủ lạnh không chạy, không hoạt động
* Cảm biến trong tủ lạnh hoạt động sai chức năng
* Nguyên nhân
* Sử dụng tủ lạnh không đúng cách
* Không vệ sinh tủ lạnh theo định kỳ
* Đặt tủ lạnh không đúng vị trí (nơi ẩm ướt hoặc có ánh năng trực tiếp từ mặt trời)
* Cách khắc phục
* Việc board mạch trong tủ lạnh bị hư hỏng là một lỗi rất khó và tốn rất nhiều thời gian, đòi hỏi những người thợ kĩ thuật có chuyên môn và tay nghề cao mới có thể sửa chữa và khắc phục tình trạng hư board mạch. Khi tủ lạnh bị hư board mạch việc đầu tiên bạn nên ngắt nguồn điện trong tủ lạnh để tránh gây hỏng các bộ phận liên quan
* Bạn không nên tự ý tháo lắp hay sửa chữa bo mạch để tránh trình trạng tủ lạnh hư hỏng nặng hơn mà hãy liên hệ cho cơ sở điện lạnh uy tín nhất hoặc liên hệ ngay cho HyuK Refrigeration để kịp thời [sửa chữa tủ lạnh](https://dienlanhtrungtin123.com/dich-vu/chuyen-sua-chua-tu-lanh-tai-nha-gia-re-o-quan-thu-duc/520.html)
* Trong trường hợp tủ lạnh cần thay board mạch bạn cần lựa chọn board mạch chính hãng để thay thế tránh mua những sản phẩm không có nguồn gốc rõ ràng sẽ làm giảm công suất hoạt động của tủ lạnh và nghiêm trọng hơn có thể làm hư hỏng các bộ phận khác, đồng thời gây mất an toàn cho chính bạn và những người thân trong gia đình.
  + 1. Dàn nóng tủ lạnh bị hỏng
* Dàn nóng tủ lạnh có nhiệm vụ là **xả nhiệt của môi chất ra bên ngoài môi trường**. Dàn nóng xả nhiệt hoạt động càng tốt thì dàn lạnh làm lành càng hiệu quả. Do vậy, bạn cần phải đặt tủ lạnh ở những **nơi thoáng mát** để giúp dàn nóng có thể vận hành một cách tốt nhất
* Dấu hiệu nhận biết
* Dàn nóng không nóng
* Nguyên nhân
* Dàn nóng của tủ lạnh có quá nhiều bụi bẩn bám vào hoặc quạt của dàn nóng bị hỏng
* Mạch điện của hệ thống làm lạnh không đóng lại được hay rơ le nhiệt độ gặp sự cố
* Lốc của tủ bị hỏng, tủ lạnh bị thiếu hoặc hết ga
* Rơ le nhiệt không cung cấp đủ điện
* Cách khắc phục
* Tuy nhiên, để sửa chữa được dàn nóng tủ lạnh, đòi hỏi bạn phải nắm rõ các quy trình cũng như có chuyên môn vững vàng. Nếu không trong quá trình sửa chữa có thể gặp sự cố không mong muốn và **làm cả hệ thống của tủ lạnh không hoạt động được**
* Nếu dàn nóng tủ lạnh nhà bạn mà bị hư nhưng không thể sửa chữa được, thì bạn nên nhanh chóng thay dàn nóng tủ lạnh mới
* Bạn nên đến ngay trung tâm sửa chữa uy tín để thay dàn nóng cho tủ lạnh, vừa an toàn lại còn đạt được hiệu quả cao. Ngoài ra, để đảm bảo dàn nóng tủ lạnh được hoạt động tốt và ổn định nhất, bạn nên vệ sinh định kì từ**3 - 6 tháng/lần**
  + 1. Tủ lạnh bị hết gas
* Gas tủ lạnh là loại môi chất làm lạnh có tác dụng chuyển tại nhiệt từ dàn lạnh tới dàn nóng. Trong tủ lạnh có sử dụng hệ thống làm lạnh, bao gồm: Dàn lạnh, dàn nóng, quạt dàn lạnh, quạt dàn nóng, máy nén, van tiết lưu, ống đồng dẫn gas và các hệ thống điều khiển
* Dấu hiệu nhận biết
* **Làm mát kém hơn**
* **Thời gian làm lạnh kéo dài**
* **Đường hút về máy nén không đọng sương**
* Nguyên nhân
* Đường ống hoặc các mối nối bị hở, thủng, tủ lạnh bị va đập gây xì ga
* **Tủ lạnh bị va đập mạnh:** Trong quá trình di chuyển, những va đập mạnh cũng khiến cho tủ lạnh bị xì ga
* **Hở mối nối:** Khi các mối hàn không được hàn kín, không chắc chắn sẽ gây ra hiện tượng tủ lạnh hết gas sau một thời gian sử dụng.
* **Mọt dàn:** Đây là nguyên nhân khó phát hiện bởi khí ga sẽ thoát ra từ từ, một lượng nhỏ qua các lỗ mọt li ti và thường gặp nhất ở những tủ lạnh đã có tuổi đời lâu.
* **Thủng dàn:** Lỗi này thường do người sử dụng dùng những vật sắc nhọn để cạy đám tuyết đóng băng bên trong tủ lạnh. Điều này có thể gây nên các vết thủng, khí ga sẽ theo đó ra ngoài.
* Cách khắc phục
* Cách kiểm tra tủ lạnh có bị rò rỉ hay bị thiếu gas hay không?

Dùng bột giặt quần áo hay nước rửa chén kết hợp một cái [khăn lau](https://www.dienmayxanh.com/khan-lau-bep). Bạn dùng khăn lau bột giặt lên các đường ống của dàn nóng và dàn lạnh. Bạn cho máy chạy, sau đó bạn quan sát xem nơi nào có bọt xà phòng thì chỗ đó bị thủng.

* Cách để thay gas tại nhà cho tủ lạnh

Các loại gas thường dùng cho tủ lạnh: Gas R12, Gas R134a, Gas R404, Gas R600

**Bước 1:** Chuẩn bị gas. Loại gas cần nạp mới phải đúng với loại gas mà tủ lạnh nhà bạn đang sử dụng.

**Bước 2:** Sau đó, bạn thay vị trí của máy hút bằng chai gas.

**Bước 3:** Tiếp theo bạn hãy mở van của đồng hồ ra, sau đó mới từ từ mở van chai gas ra để gas đi vào an toàn trong hệ thống. Trong lúc đó, bạn cần nhìn đồng hồ đo gas cho đến khi áp suất đã đạt mức **35 - 45 PSI** thì dừng lại và đóng van của chai gas lại.

**Bước 4:** Bạn tiếp tục kiểm tra lại tất cả các mối hàn xem có bị rò rỉ gas ở đâu không và kiểm tra cả đầu rắc co của đồng hồ.

**Bước 5:** Cuối cùng, bạn hãy khởi động lại tủ lạnh cho hoạt động của máy nén trở lại bình thường và tiếp tục nạp gas tủ lạnh cho đến khi đủ gas.

* HyuK Refrigeration không khuyến khích bạn tự thay gas ở nhà mà nên gọi thợ cho an toàn. Nhưng trong trường hợp, khách hàng muốn tự thay thì phải thực hiện đúng các bước tránh tình trạng tủ lạnh hỏng
* Bạn có thể nhận biết hệ thống đủ gas qua một số dấu hiệu sau: Dàn lạnh bám tuyết đều, dàn nóng nóng đều, máy nén có đọng sương và 2 dòng đều làm việc ổn định.
  + 1. Tủ lạnh không bảo quản được thực phẩm
* Dấu hiện nhận biết
* Thức ăn **nhanh hỏng hơn bình thường**
* Nguyên nhân
* **Bảo quản thực phẩm sai vị trí:** Tủ lạnh bao gồm 2 ngăn, đó là ngăn mát và ngăn đông. Mỗi ngăn có mức nhiệt độ riêng biệt để bảo quản những loại thực phẩm khác nhau. Nếu bạn bảo quản sai vị trí thì thực phẩm sẽ nhanh chóng bị hư hỏng. Ví dụ những thực phẩm cần được bảo quản ở ngăn đông như thịt, cá,…, nếu bạn để chúng ở ngăn mát thì nguy cơ bị hỏng sẽ rất cao
* **Nhồi nhét quá nhiều thức ăn trong tủ lạnh:** Khi nhồi nhét quá nhiều thức ăn trong tủ lạnh, hơi lạnh sẽ không thể lưu thông một cách dễ dàng. Do đó, thực phẩm sẽ không được cung cấp đủ hơi lạnh để duy trì sự tươi sống, dẫn đến hư hỏng.
* Cách khắc phục
* Sắp xếp thực phẩm ngăn nắp và vừa đủ trong tủ lạnh. Bên cạnh đó, bạn hãy chừa các khoảng trống để hơi lạnh có thể lưu thông.
* Sau khi nấu, đợi cho thức ăn nguội rồi mới cho vào tủ lạnh.
* Rau củ quả sau khi mua về, rửa sạch rồi đợi ráo nước mới cho vào tủ lạnh.
* Thịt, cá, đồ tươi sống,…cần được bảo quản trên ngăn đông để giữ được lâu ngày.
* Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh và sắp xếp thực phẩm trong tủ lạnh cho gọn gàng.
* Đối với thức ăn chín, bảo quản bằng hộp nhựa và đậy kín trước khi cho vào tủ lạnh.
  + 1. Tủ lạnh hơi mùi khó chịu
* Dấu hiệu nhận biết
* Xuất hiện mùi nhựa mới nên gây cảm giác khó chịu cho người sử dụng
* Nguyên nhân
* Hầu hết, tủ lạnh mới thường hay xuất hiện mùi nhựa mới nên gây cảm giác khó chịu cho người sử dụng. Thậm chí, nếu bạn xử lý không tốt những mùi nhựa này thì chúng sẽ ám mùi trực tiếp vào thực phẩm khi bảo quản trong tủ lạnh, làm ảnh hưởng đếnhương vị vốn có của thực phẩm cũng như sức khỏe của bạn khi ăn phải.
* Cách khắc phục
* Vệ sinh tủ lạnh bằng khăn lau. Để vệ sinh tủ lạnh bằng khăn lau, bạn cần chuẩn bị một chiếc khăn sạch và dung dịch rửa, rồi thực hiện các bước sau:

**Bước 1**: Dùng khăn sạch thấm một ít nước để lau chùi toàn bộ mọi ngóc ngách bên trong tủ lạnh để loại bỏ bụi bẩn (nếu có).

**Bước 2**: Bạn hòa tan hỗn hợp dung dịch rửa gồm **nước ấm** và **baking soda**, có thể cho thêm chút nước cốt chanh để tạo mùi thơm.

**Bước 3**: Xả sạch khăn (đã dùng ở bước 1), thấm hỗn hợp dung dịch vừa mới pha và tiến hành lau chùi từ các bộ phận bên trong ra ngoài của tủ lạnh.

**Bước 4**: Lau lại một lần nữa với khăn ẩm sạch. Vậy là xong!

* Hút mùi tủ lạnh: Trường hợp bạn đã thực hiện cách làm trên mà vẫn còn ngửi được mùi nhựa mới, thì có thể thực hiện thêm cách hút mùi tủ lạnh như sau:

**Bước 1**: Bạn sử dụng dung dịch tẩy rửa chuyên dụng, rồi dùng khăn sạch để tiến hành lau chùi tủ lạnh từ trong ra ngoài.

**Bước 2**: Sau khi đã lau chùi bằng dung dịch vệ sinh và để tủ lạnh nằm cố định tại một chỗ được khoảng 8 - 24 tiếng, thì bạn cung cấp điện vào tủ lạnh.

Bạn cứ để tủ lạnh **chạy** **suốt qua 1 đêm** thì mùi nhựa sẽ bớt hẳn, trong thời gian này **cứ 2 tiếng thì bạn mở cửa tủ khoảng 5 phút** để cho hơi lạnh kéo theo mùi nhựa còn sót lại bay ra khỏi tủ lạnh, nhờ đó sẽ loại bỏ được mùi nhựa của tủ lạnh mới một cách tối ưu nhất.

1. **Các dữ liệu được sử dụng trong hệ thống**
2. **Điều hòa**
   1. Hoạt động điều hòa

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường |  | HD01 |
| 2 | Chạy liên tục | Máy lạnh không tự ngắt khi đạt đến nhiệt độ mà cài đặt, thay vào đó sẽ hoạt động liên tục đến khi tắt | HD02 |
| 3 | Bật tắt liên tục | Động cơ điều hòa bật tắt liên tục một cách bất thường | HD03 |
| 4 | Tự động tắt | Máy lạnh hoạt động khoảng 15 phút tự dộng tắt | HD04 |
| 5 | Không hoạt động | Khi bật các thiết bị điều khiển hay cầu giao mà không nghe tín hiệu âm thanh báo máy lạnh hoạt động | HD05 |
| 6 | Hoạt động tiếp sau khi tắt | Điều hòa vẫn tiếp tục chạy sau khi tắt bằng remote | HD06 |
| 7 | Có tiếng ồn | Điều hòa chạy có tiếng ồn và kêu rất to | HD07 |
| 8 | Ngắt nguồn đột ngột | Điều hòa không nhận nguồn, bo mạch ngắt nguồn đột ngột | HD08 |

* 1. Tình trạng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường |  | TT01 |
| 2 | Chảy nước | Điều hòa có hiện tượng chảy nước | TT02 |
| 3 | Bám tuyết | Điều hòa có hiện tượng bám tuyết trong dàn lạnh | TT03 |
| 4 | Rò điện | Cục nóng điều hòa có hiện tượng rò điện | TT04 |

* 1. Nhiệt độ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường | Điều hòa làm lạnh nhanh, đúng nhiệt độ | ND01 |
| 2 | Không đạt đúng ngưỡng | Nhiệt độ quá nóng hoặc quá lạnh so với ngưỡng cài đặt | ND02 |
| 3 | Yếu lạnh | Máy lạnh làm lạnh kém, tốn nhiều thời gian để làm lạnh căn phòng | ND03 |
| 4 | Không ổn định | Nhiệt độ phòng lúc nóng lúc lạnh | ND04 |
| 5 | Không lạnh | Sau một thời gian không thấy nhiệt độ giảm | ND05 |

* 1. Đèn báo lỗi, bảng hiển thị

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường | Đèn không sáng | DB01 |
| 2 | Chớp liên tục | Đèn vàng nháy liên tục | DB02 |
| 3 | Báo mã lỗi | Báo các mã lỗi trên bảng hiển thị | DB03 |
| 4 | Hiển thị sai nhiệt độ | Bảng hiển thị nhiệt độ không giống trên remote | DB04 |
|  |  |  |  |

* 1. Quạt dàn lạnh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường | Thổi ra gió, có hơi lạnh | QL01 |
| 2 | Không có hơi lạnh | Thổi ra gió nhưng không có hơi lạnh | QL02 |
| 3 | Thổi hơi nóng | Quạt không thổi hơi lạnh mà thổi hơi nóng | QL03 |
| 4 | Không có gió | Không có gió thổi từ quạt | QL04 |

* 1. Quạt dàn nóng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường | Quạt hoạt động bình thường, có hơi nóng | QN01 |
| 2 | Không có hơi nóng | Quạt thổi ra gió nhưng không có hơi nóng | QN02 |
| 3 | Không hoạt động | Quạt gió không hoạt động, kêu è è | QN03 |
| 4 | Lúc chạy lúc không | Quạt gió liên tục tắt bật | QN04 |

* 1. Cục nóng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường | Cục nóng hoạt động ổn định, có âm thanh ổn định, đều đều | CN01 |
| 2 | Nóng bất thường | Cục nóng có nhiệt độ cao bất thường trong quá trình hoạt động | CN02 |
| 3 | Đóng ngắt liên tục | Cục nóng liên tục đóng ngắt | CN03 |
| 4 | Không có tiếng ồn | Không có tiếng ồn phát ra từ cục nóng | CN04 |
| 5 | Có âm thanh to | Cục nóng phát âm thanh to khi chạy | CN05 |
| 6 | Có tiếng kêu nhỏ rồi tắt | Cục nóng nghe thấy tiếng kêu è è nhỏ rồi tắt | CN06 |
| 7 | Kêu ‘tạch’ liên tục | Cục nóng kêu ‘tạch’ liên tục trong quá trình khởi động | CN07 |

* 1. Ống đồng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường |  | OD01 |
| 2 | Đóng tuyết | Ống đồng có hiện tượng đóng tuyết | OD02 |

* 1. Mùi

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường | Không có mùi gì | M01 |
| 2 | Mùi hôi | Phòng điều hòa xuất hiện mùi hôi | M02 |
| 3 | Mùi gas | Phòng điều hòa xuất hiện mùi gas | M03 |

* 1. Tín hiệu từ remote

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường | Điều hòa nhận tín hiệu từ remote bình thường | TH01 |
| 2 | Mất tín hiệu | Điều hòa không nhận tín hiệu từ remote | TH02 |
| 3 | Chập chờn | Khả năng nhận tín hiệu từ remote sẽ kém đi, lúc được lúc không | TH03 |

1. **Tủ lạnh**
   1. Khả năng làm lạnh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường |  | LL01 |
| 2 | Kém lạnh | Tủ lạnh kém lạnh | LL02 |
| 3 | Không lạnh | Tủ lạnh không lạnh | LL03 |
| 4 | Không ổn định | Tủ lạnh lúc lạnh lúc không | LL04 |

* 1. Đèn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường |  | D01 |
| 2 | Chớp đèn | Tủ lạnh chớp đèn liên tục | D02 |
| 3 | Đèn không sáng | Tủ lạnh không sáng đèn | D03 |

* 1. Block

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường |  | B01 |
| 2 | Đóng ngắt liên tục | Block đóng ngắt liên tục | B02 |
| 3 | Kêu to | Block kêu to | B03 |
| 4 | Không chạy | Block không hoạt động | B04 |

* 1. Ống đồng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường |  | OD01 |
| 2 | Chảy nước | Ống đồng có tia nước bắn ra | OD02 |
| 3 | Ống đồng đóng tuyết | Ống đồng có tuyết bám | OD03 |

* 1. Nhiệt độ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường |  | ND01 |
| 2 | Nóng | Tủ lạnh nóng lên | ND02 |
| 3 | Lạnh | Nhiệt độ lạnh quá mức khiến cho hơi lạnh thoát ra ngoài | ND03 |
| 4 | Không ổn định | Tủ lúc nóng lúc lạnh | ND04 |

* 1. Hoạt động

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường |  | HD01 |
| 2 | Cảm biến hoạt động sai | Cảm biến hoạt động sai chức năng | HD02 |
| 3 | Có tiếng ồn | Phát ra tiếng “bục bục” khi vận hành | HD03 |
| 4 | Hoạt động liên tục | Tủ lạnh hoạt động liên tục, dường như là 24/24 và không có dấu hiệu ngắt | HD04 |
| 5 | Chạy ngắt liên tục | Tủ lạnh chạy ngắt liên tục | HD05 |
| 6 | Không chạy | Tủ lạnh không chạy, không hoạt động | HD06 |
| 7 | Kêu to | Tủ lạnh kêu to | HD07 |
| 8 | Kêu tít tít | Tủ lạnh phát ra tiếng kêu tít tít | HD08 |

* 1. Tình trạng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường |  | TT01 |
| 2 | Ngăn mát đóng đá | Ngăn mát bị đóng đá | TT02 |
| 3 | Quạt đóng tuyết | Tuyết dày đặc bám vào quạt tủ lạnh | TT03 |
| 4 | Gioăng cao su hở | Gioăng cao su không bám chặt vào cánh tủ | TT04 |
| 5 | Gioăng cao su rách | Gioăng cao su bị rách | TT05 |
| 6 | Ngăn đá đóng tuyết | Ngăn đá xuất hiện tuyết bám dày đặc bên trong | TT06 |
| 7 | Ngăn mát đóng tuyết | Ngắn mát bị đóng tuyết | TT07 |
| 8 | Đường hút không đọng sương | Đường hút về máy nén không đọng sương | TT08 |

* 1. Dàn nóng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường |  | DN01 |
| 2 | Đóng ngắt liên tục | Dàn nóng tủ lạnh đóng ngắt liên tục | DN02 |
| 3 | Không nóng | Dàn nóng không nóng | DN03 |

* 1. Khả năng bảo quản

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường |  | BQ01 |
| 2 | Nhanh hỏng | Thức ăn nhanh hỏng hơn bình thường | BQ02 |

* 1. Mùi

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dấu hiệu | Mô tả | Mã |
| 1 | Bình thường |  | M01 |
| 2 | Mùi nhựa | Xuất hiện mùi nhựa | M02 |
| 3 | Mùi khó chịu | Xuất hiện mùi gây khó chịu cho người sử dụng | M03 |

1. **Các case có trong hệ thống theo từng lỗi**
2. Điều hòa

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Hoạt động điều hòa | Tình trạng | Nhiệt độ | Đèn báo lỗi, bảng hiển thị | Quạt dàn lạnh | Quạt dàn nóng | Cục nóng | Ống đồng | Mùi | Tín hiệu từ remote |
| Cảm biến điều hòa hỏng (12 case) | | | | | | | | | |
| HD02,  HD03,  HD04 |  | ND02,  ND04 |  |  |  |  |  |  |  |
| HD02 |  | ND02 |  |  |  |  |  |  |  |
| HD02 |  | ND04 |  |  |  |  |  |  |  |
| HD02 |  | ND02, ND04 |  |  |  |  |  |  |  |
| HD03 |  | ND02 |  |  |  |  |  |  |  |
| HD03 |  | ND04 |  |  |  |  |  |  |  |
| HD03 |  | ND02, ND04 |  |  |  |  |  |  |  |
| HD04 |  | ND02 |  |  |  |  |  |  |  |
| HD04 |  | ND04 |  |  |  |  |  |  |  |
| HD04 |  | ND02, ND04 |  |  |  |  |  |  |  |
| Điều hòa thiếu gas, hết gas (16 case) | | | | | | | | | |
| HD02,  HD04, | TT02,  TT03 | ND03, ND05 | D02 | QL02 |  |  |  |  |  |
| HD02 | TT03 | ND03 | D02 | QL01 |  |  |  |  |  |
| HD02 | TT03, TT02 | ND03 | D02 | QL01 |  |  |  |  |  |
| HD02 | TT03 | ND03 | D02 | QL02 |  |  |  |  |  |
| HD02 | TT03, TT02 | ND03 | D02 | QL02 |  |  |  |  |  |
| HD02 | TT03 | ND05 | D02 | QL01 |  |  |  |  |  |
| HD02 | TT03,  TT02 | ND05 | D02 | QL01 |  |  |  |  |  |
| HD02 | TT03 | ND05 | D02 | QL02 |  |  |  |  |  |
| HD02 | TT03,  TT02 | ND05 | D02 | QL02 |  |  |  |  |  |
| HD04 | TT03 | ND03 | D02 | QL01 |  |  |  |  |  |
| HD04 | TT03, TT02 | ND03 | D02 | QL01 |  |  |  |  |  |
| HD04 | TT03 | ND03 | D02 | QL02 |  |  |  |  |  |
| HD04 | TT03, TT02 | ND03 | D02 | QL02 |  |  |  |  |  |
| HD04 | TT03 | ND05 | D02 | QL01 |  |  |  |  |  |
| HD04 | TT03,  TT02 | ND05 | D02 | QL01 |  |  |  |  |  |
| HD04 | TT03 | ND05 | D02 | QL02 |  |  |  |  |  |
| HD04 | TT03,  TT02 | ND05 | D02 | QL02 |  |  |  |  |  |
| Máy nén bị hỏng(30 case) | | | | | | | | | |
|  |  | ND03,  ND05 |  | QL02, QL03 | QN02 | CN02, CN03, CN04, CN05, CN07 | OD02 |  |  |
|  |  | ND03 |  | QL02 | QN02 | CN02 | OD02 |  |  |
|  |  | ND03 |  | QL02 | QN02 | CN03 | OD02 |  |  |
|  |  | ND03 |  | QL02 | QN02 | CN03, CN02 | OD02 |  |  |
|  |  | ND03 |  | QL02 | QN02 | CN04 | OD02 |  |  |
|  |  | ND03 |  | QL02 | QN02 | CN05 | OD02 |  |  |
|  |  | ND03 |  | QL02 | QN02 | CN05, CN02 | OD02 |  |  |
|  |  | ND03 |  | QL02 | QN02 | CN07 | OD02 |  |  |
|  |  | ND03 |  | QL02 | QN02 | CN07, CN02 | OD02 |  |  |
|  |  | ND03 |  | QL02 | QN02 | CN07, CN02, CN03 | OD02 |  |  |
|  |  | ND03 |  | QL02 | QN02 | CN07, CN02, CN05 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL02 | QN02 | CN02 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL02 | QN02 | CN03 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL02 | QN02 | CN03, CN02 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL02 | QN02 | CN04 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL02 | QN02 | CN05 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL02 | QN02 | CN05, CN02 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL02 | QN02 | CN07 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL02 | QN02 | CN07, CN02 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL02 | QN02 | CN07, CN02, CN03 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL02 | QN02 | CN07, CN02, CN05 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL03 | QN02 | CN02 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL03 | QN02 | CN03 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL03 | QN02 | CN03, CN02 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL03 | QN02 | CN04 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL03 | QN02 | CN05 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL03 | QN02 | CN05, CN02 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL03 | QN02 | CN07 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL03 | QN02 | CN07, CN02 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL03 | QN02 | CN07, CN02, CN03 | OD02 |  |  |
|  |  | ND05 |  | QL03 | QN02 | CN07, CN02, CN05 | OD02 |  |  |
| Bo mạch máy lạnh bị hỏng(56 case) | | | | | | | | | |
| HD04  HD05  HD06  HD08 |  | ND02 | DB02,  DB03,  DB04 |  |  |  |  |  | TH02 |
| HD04 |  |  | DB02 |  |  |  |  |  |  |
| HD04 |  |  | DB02, DB03 |  |  |  |  |  |  |
| HD04 |  |  | DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD04 |  |  | DB02, DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD04 |  |  | DB02, DB03, DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD04 |  | ND02 | DB02 |  |  |  |  |  |  |
| HD04 |  | ND02 | DB02, DB03 |  |  |  |  |  |  |
| HD04 |  | ND02 | DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD04 |  | ND02 | DB02, DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD04 |  | ND02 | DB02, DB03, DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD06 |  |  | DB02 |  |  |  |  |  |  |
| HD06 |  |  | DB02, DB03 |  |  |  |  |  |  |
| HD06 |  |  | DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD06 |  |  | DB02, DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD06 |  |  | DB02, DB03, DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD06 |  | ND02 | DB02 |  |  |  |  |  |  |
| HD06 |  | ND02 | DB02, DB03 |  |  |  |  |  |  |
| HD06 |  | ND02 | DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD06 |  | ND02 | DB02, DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD06 |  | ND02 | DB02, DB03, DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD05 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| HD05 |  |  |  |  |  |  |  |  | TH02 |
| HD05 |  |  | DB02 |  |  |  |  |  |  |
| HD05 |  |  | DB02, DB03 |  |  |  |  |  |  |
| HD05 |  |  | DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD05 |  |  | DB02, DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD05 |  |  | DB02, DB03, DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD05 |  |  | DB02 |  |  |  |  |  |  |
| HD05 |  | ND02 | DB02 |  |  |  |  |  |  |
| HD05 |  | ND02 | DB02, DB03 |  |  |  |  |  |  |
| HD05 |  | ND02 | DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD05 |  | ND02 | DB02, DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD05 |  | ND02 | DB02, DB03, DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD05 |  |  | DB02 |  |  |  |  |  | TH02 |
| HD05 |  |  | DB02, DB03 |  |  |  |  |  | TH02 |
| HD05 |  |  | DB04 |  |  |  |  |  | TH02 |
| HD05 |  |  | DB02, DB04 |  |  |  |  |  | TH02 |
| HD05 |  |  | DB02, DB03, DB04 |  |  |  |  |  | TH02 |
| HD05 |  |  | DB02 |  |  |  |  |  | TH02 |
| HD05 |  | ND02 | DB02 |  |  |  |  |  | TH02 |
| HD05 |  | ND02 | DB02, DB03 |  |  |  |  |  | TH02 |
| HD05 |  | ND02 | DB04 |  |  |  |  |  | TH02 |
| HD05 |  | ND02 | DB02, DB04 |  |  |  |  |  | TH02 |
| HD05 |  | ND02 | DB02, DB03, DB04 |  |  |  |  |  | TH02 |
| HD08 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| HD08 |  |  | DB02 |  |  |  |  |  |  |
| HD08 |  |  | DB02, DB03 |  |  |  |  |  |  |
| HD08 |  |  | DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD08 |  |  | DB02, DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD08 |  |  | DB02, DB03, DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD08 |  |  | DB02 |  |  |  |  |  |  |
| HD08 |  | ND02 | DB02 |  |  |  |  |  |  |
| HD08 |  | ND02 | DB02, DB03 |  |  |  |  |  |  |
| HD08 |  | ND02 | DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD08 |  | ND02 | DB02, DB04 |  |  |  |  |  |  |
| HD08 |  | ND02 | DB02, DB03, DB04 |  |  |  |  |  |  |
| Tụ điều hòa bị hỏng (8 case) | | | | | | | | | |
|  | TT04 |  |  | QL02 | QN02, QN03 | CN04, CN06 |  |  |  |
|  |  |  |  | QL02 | QN02 | CN04 |  |  |  |
|  |  |  |  | QL02 | QN03 | CN04 |  |  |  |
|  |  |  |  | QL02 | QN02 | CN06 |  |  |  |
|  |  |  |  | QL02 | QN03 | CN06 |  |  |  |
|  | TT04 |  |  | QL02 | QN02 | CN04 |  |  |  |
|  | TT04 |  |  | QL02 | QN03 | CN04 |  |  |  |
|  | TT04 |  |  | QL02 | QN02 | CN06 |  |  |  |
|  | TT04 |  |  | QL02 | QN03 | CN06 |  |  |  |
| Lưới lọc điều hòa bị bụi(2 case) | | | | | | | | | |
|  |  | ND03 |  | QL02 |  |  |  | M02 |  |
|  | TT02 | ND03 |  | QL02 |  |  |  | M02 |  |
| Quạt gió dàn lạnh hỏng (12 case) | | | | | | | | | |
| HD07 | TT02, TT03 |  | DB02 | QL04 |  |  | OD02 |  |  |
|  | TT02 |  | DB02 | QL04 |  |  |  |  |  |
|  | TT02 |  | DB02 | QL04 |  |  | OD02 |  |  |
|  | TT03 |  | DB02 | QL04 |  |  |  |  |  |
|  | TT03 |  | DB02 | QL04 |  |  | OD02 |  |  |
|  | TT02, TT03 |  | DB02 | QL04 |  |  |  |  |  |
|  | TT02, TT03 |  | DB02 | QL04 |  |  | OD02 |  |  |
| HD07 | TT02 |  | DB02 | QL04 |  |  |  |  |  |
| HD07 | TT02 |  | DB02 | QL04 |  |  | OD02 |  |  |
| HD07 | TT03 |  | DB02 | QL04 |  |  |  |  |  |
| HD07 | TT03 |  | DB02 | QL04 |  |  | OD02 |  |  |
| HD07 | TT02, TT03 |  | DB02 | QL04 |  |  |  |  |  |
| HD07 | TT02, TT03 |  | DB02 | QL04 |  |  | OD02 |  |  |
| Van tiết lưu bị nghẹt (9 case) | | | | | | | | | |
| HD03 | TT02, TT03 | ND03, ND05 |  |  | QN02 |  | OD02 |  |  |
| HD03 | TT02 | ND03 |  |  |  |  |  |  |  |
| HD03 | TT02 | ND03 |  |  | QN02 |  |  |  |  |
| HD03 | TT02 | ND03 |  |  | QN02 |  | OD02 |  |  |
| HD03 | TT03 | ND03 |  |  |  |  |  |  |  |
| HD03 | TT03 | ND03 |  |  | QN02 |  |  |  |  |
| HD03 | TT03 | ND03 |  |  | QN02 |  | OD02 |  |  |
| HD03 | TT02, TT03 | ND03 |  |  |  |  |  |  |  |
| HD03 | TT02, TT03 | ND03 |  |  | QN02 |  |  |  |  |
| HD03 | TT02, TT03 | ND03 |  |  | QN02 |  | OD02 |  |  |
| Ống đồng bị rò gas (6 case) | | | | | | | | | |
| HD02, HD04 | TT02, TT03 | ND03, ND05 | DB02 |  | QN02 |  | OD02 | M03 |  |
| HD02 |  | ND03 |  |  | QN02 |  | OD02 | M03 |  |
| HD02 |  | ND03 | DB02 |  | QN02 |  | OD02 | M03 |  |
| HD02 |  | ND05 |  |  | QN02 |  | OD02 | M03 |  |
| HD02 |  | ND05 | DB02 |  | QN02 |  | OD02 | M03 |  |
| HD04 |  | ND03 |  |  | QN02 |  | OD02 | M03 |  |
| HD04 |  | ND03 | DB02 |  | QN02 |  | OD02 | M03 |  |
| HD04 |  | ND05 |  |  | QN02 |  | OD02 | M03 |  |
| HD04 |  | ND05 | DB02 |  | QN02 |  | OD02 | M03 |  |
| Quạt dàn nóng hỏng (3 case) | | | | | | | | | |
|  |  | ND03 |  |  | QN03, QN04 |  |  |  |  |
|  |  | ND03 |  |  | QN03 |  |  |  |  |
|  |  | ND03 |  |  | QN04 |  |  |  |  |
| Mắt thần điều hòa hỏng (2 case) | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  | TH02 |
| HD05 |  |  |  |  |  |  |  |  | TH03 |

1. Tủ lạnh

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khả năng làm lạnh | Đèn | Block | Ống đồng | Nhiệt độ | Hoạt động | Tình trạng | Dàn nóng | Khả năng bảo quản | Mùi |
| Quạt gió của tủ lạnh không hoạt động(9 case) | | | | | | | | | |
| LL02 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT03 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT06 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT03, TT06 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT03 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT06 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT03, TT06 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT03 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT06 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT03, TT06 | DN01 | BQ01 | M01 |
| Block của tủ lạnh bị hỏng(30 case) | | | | | | | | | |
| LL02 | D01 | B02 | OD02 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B03 | OD02 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B04 | OD02 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B02 | OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B03 | OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B04 | OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B02, B03 | OD02 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B04 | OD02 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B02, B03 | OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B04 | OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B02 | OD02, OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B03 | OD02, OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B04 | OD02, OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B02, B03 | OD02, OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B04 | OD02, OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B02 | OD02 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B03 | OD02 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B04 | OD02 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B02 | OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B03 | OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B04 | OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B02, B03 | OD02 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B04 | OD02 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B02, B03 | OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B04 | OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B02 | OD02, OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B03 | OD02, OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B04 | OD02, OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B02, B03 | OD02, OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B04 | OD02, OD03 | ND04 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| Nhiệt toả ra từ tủ lạnh nóng quá mức(4 case) | | | | | | | | | |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND02 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND02 | HD01 | TT04 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND02 | HD01 | TT05 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND02 | HD01 | TT04, TT05 | DN01 | BQ01 | M01 |
| Tủ lạnh bị đóng tuyết(1 case) | | | | | | | | | |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT06 | DN01 | BQ01 | M01 |
| Tủ lạnh kêu ồn bất thường(1 case) | | | | | | | | | |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD03 | TT03 | DN01 | BQ01 | M01 |
| Rơ le nhiệt của tủ lạnh bị hỏng(8 case) | | | | | | | | | |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT02 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT07 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT02, TT07 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND03 | HD01 | TT02 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND03 | HD01 | TT07 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND03 | HD01 | TT02, TT07 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD04 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD04 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| Cảm biến tủ lạnh bị hỏng(12 case) | | | | | | | | | |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT06 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD07 | TT06 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD06 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD05 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD05 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL04 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD05 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD07 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD07 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL04 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD07 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD05, HD07 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD05, HD07 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL04 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD05, HD07 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| Bo mạch của tủ lạnh bị hỏng(32 case) | | | | | | | | | |
| LL01 | D01 | B04 | OD01 | ND01 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD02 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B04 | OD01 | ND01 | HD02 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B04 | OD01 | ND01 | HD01, HD08 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD02, HD08 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B04 | OD01 | ND01 | HD02, HD08 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B04 | OD01 | ND01 | HD01 | TT01 | DN02 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD02 | TT01 | DN02 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B04 | OD01 | ND01 | HD02 | TT01 | DN02 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B04 | OD01 | ND01 | HD01, HD08 | TT01 | DN02 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD02, HD08 | TT01 | DN02 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B04 | OD01 | ND01 | HD02, HD08 | TT01 | DN02 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD08 | TT01 | DN02 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B04 | OD01 | ND01 | HD08 | TT01 | DN02 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D02 | B04 | OD01 | ND01 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D02 | B01 | OD01 | ND01 | HD02 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D02 | B04 | OD01 | ND01 | HD02 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D02 | B04 | OD01 | ND01 | HD01, HD08 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D02 | B01 | OD01 | ND01 | HD02, HD08 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D02 | B04 | OD01 | ND01 | HD02, HD08 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D02 | B04 | OD01 | ND01 | HD01 | TT01 | DN02 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D02 | B01 | OD01 | ND01 | HD02 | TT01 | DN02 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D02 | B04 | OD01 | ND01 | HD02 | TT01 | DN02 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D02 | B04 | OD01 | ND01 | HD01, HD08 | TT01 | DN02 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D02 | B01 | OD01 | ND01 | HD02, HD08 | TT01 | DN02 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D02 | B04 | OD01 | ND01 | HD02, HD08 | TT01 | DN02 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D02 | B01 | OD01 | ND01 | HD08 | TT01 | DN02 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D02 | B04 | OD01 | ND01 | HD08 | TT01 | DN02 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B04 | OD01 | ND01 | HD06 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D03 | B04 | OD01 | ND01 | HD06 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D01 | B04 | OD01 | ND01 | HD06 | TT01 | DN02 | BQ01 | M01 |
| LL01 | D03 | B04 | OD01 | ND01 | HD06 | TT01 | DN02 | BQ01 | M01 |
| Dàn nóng tủ lạnh bị hỏng(1 case) | | | | | | | | | |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT01 | DN03 | BQ01 | M01 |
| Tủ lạnh bị hết gas(4 case) | | | | | | | | | |
| LL02 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL02 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT08 | DN01 | BQ01 | M01 |
| LL03 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT08 | DN01 | BQ01 | M01 |
| Tủ lạnh không bảo quản được thực phẩm(1 case) | | | | | | | | | |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ02 | M01 |
| Tủ lạnh hơi mùi khó chịu(3 case) | | | | | | | | | |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M02 |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M03 |
| LL01 | D01 | B01 | OD01 | ND01 | HD01 | TT01 | DN01 | BQ01 | M02, M03 |

1. Trọng số và độ tương đồng
2. Trọng số

Với mức độ quan trọng mà đánh điểm cho các tiêu chí của từng bệnh: Quan trọng nhất là 3 điểm, quan trọng là 2 điểm, ít quan trọng là 1 điểm.

* 1. Điều hoà

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên lỗi | Tiêu chí | Đánh giá |
| Cảm biến bị hỏng | Hoạt động, Nhiệt độ | Quan trọng nhất |
| Điều hòa bị thiếu gas, hết gas | Nhiệt độ, Quạt lạnh | Quan trọng nhất |
|  | Hoạt động, tình trạng | Quan trọng |
|  | Đèn báo lỗi, bảng hiển thị | Ít quan trọng |
| Máy nén bị hỏng | Cục nóng, nhiệt độ | Quan trọng nhất |
|  | Quạt lạnh, quạt nóng | Quan trọng |
|  | Ống đồng | Ít quan trọng |
| Board mạch máy bị hỏng | Hoạt động, đèn báo lỗi, bảng hiển thị | Quan trọng nhất |
|  | Nhiệt độ | Quan trọng |
|  | Tín hiệu remote | Ít quan trọng |
| Tụ điện bị hỏng | Cục nóng, quạt nóng | Quan trọng nhất |
|  | Tình trạng, quạt lạnh | Quan trọng |
| Lưới lọc điều hòa bị bụi | Mùi, nhiệt độ, quạt lạnh | Quan trọng nhất |
|  | Tình trạng | Quan trọng |
| Quạt gió dàn lạnh hỏng | Quạt lạnh | Quan trọng nhất |
|  | Hoạt động, tình trạng | Quan trọng |
|  | Đèn báo, ống đồng | Ít quan trọng |
| Van tiết lưu bị nghẹt | Nhiệt độ, tình trạng | Quan trọng nhất |
|  | Quạt nóng, hoạt động | Quan trọng |
|  | Ống đồng | Ít quan trọng |
| Ống đồng bị rò gas | Mùi, ống đồng | Quan trọng nhất |
|  | Nhiệt độ, hoạt động, đèn báo lỗi | Quan trọng |
|  | Tình trạng, quạt nóng | Ít quan trọng |
| Quạt dàn nóng hỏng | Quạt nóng | Quan trọng nhất |
|  | Nhiệt độ | Quan trọng |
| Mắt thần điều hòa | Tín hiệu remote | Quan trọng nhất |
|  | Hoạt động | Quan trọng |

Từ bảng đánh giá trên, ta sẽ đánh giá ảnh hưởng chung của các tiêu chí đối với các bệnh và đánh tiêu chí cho trọng số.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tiêu chí | Điểm | Trọng số |
| 1 | Nhiệt độ | 21 | 10 |
| 2 | Hoạt động | 16 | 10 |
| 3 | Quạt dàn lạnh | 13 | 7 |
| 4 | Tình trạng | 12 | 7 |
| 5 | Quạt dàn nóng | 11 | 7 |
| 6 | Đèn, bảng hiển thị | 7 | 4 |
| 7 | Ống đồng | 6 | 4 |
| 8 | Cục nóng | 6 | 4 |
| 9 | Mùi | 6 | 4 |
| 10 | Tín hiệu | 4 | 2 |

* 1. Tủ lạnh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên bệnh | Tiêu chí | Đánh giá |
| Quạt gió của tủ lạnh không hoạt động | Tình trạng | Quan trọng nhất |
| Khả năng làm lạnh | Quan trọng |
| Block của tủ lạnh bị hỏng | Block | Quan trọng nhất |
| Nhiệt độ | Quan trọng |
| Khả năng làm lạnh, ống đồng | Ít quan trọng |
| Tủ lạnh bị đóng tuyết | Tình trạng | Quan trọng nhất |
| Tủ lạnh kêu ồn bất thường | Hoạt động | Quan trọng nhất |
| Rơ le của tủ lạnh bị hỏng | Tình trạng | Quan trọng nhất |
| Nhiệt độ | Quan trọng |
| Khả năng làm lạnh | Ít quan trọng |
| Cảm biến tủ lạnh bị hỏng | Hoạt động | Quan trọng nhất |
| Khả năng làm lạnh | Quan trọng |
| Bo mạch của tủ lạnh bị hỏng | Hoạt động | Quan trọng nhất |
| Block, dàn nóng | Quan trọng |
| Đèn | Ít quan trọng |
| Dàn nóng của tủ lạnh bị hỏng | Dàn nóng | Quan trọng nhất |
| Tủ lạnh bị hết gas | Khả năng làm lạnh | Quan trọng nhất |
| Tình trạng | Quan trọng |
| Tủ lạnh không bảo quản được thực phẩm | Khả năng bảo quản | Quan trọng nhất |
| Tủ lạnh hơi mùi khó chịu | Mùi | Quan trọng nhất |

Trọng số được đánh dựa theo khoảng điểm:

* Điểm lớn hơn 8 có trọng số là 6
* Điểm nằm trong khoảng từ 4 đến 8 có trọng số là 3
* Điểm nhỏ hơn 4 có trọng số là 1

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tiêu chí | Điểm | Trọng số |
| 1 | Khả năng làm lạnh | 9 | 6 |
| 2 | Đèn | 1 | 1 |
| 3 | Block | 5 | 3 |
| 4 | Ống đồng | 1 | 1 |
| 5 | Nhiệt độ | 4 | 3 |
| 6 | Hoạt động | 6 | 3 |
| 7 | Tình trạng | 11 | 6 |
| 8 | Dàn nóng | 5 | 3 |
| 9 | Khả năng bảo quản | 3 | 1 |
| 10 | Mùi | 3 | 1 |

1. Độ tương đồng
   1. Điều hòa

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Hoạt động | | | | | | | | |
|  | HD01 | HD02 | HD03 | HD04 | HD05 | HD06 | HD07 | HD08 |
| HD01 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| HD02 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| HD03 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| HD04 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| HD05 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| HD06 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| HD07 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| HD08 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tình trạng | | | | | |
|  | TT01 | TT02 | TT03 | TT04 | TT02, TT03 |
| TT01 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| TT02 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0.6 |
| TT03 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0.5 |
| TT04 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| TT02, TT03 | 0 | 0.6 | 0.5 | 0 | 1 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhiệt độ | | | | | | |
|  | ND01 | ND02 | ND03 | ND04 | ND05 | ND02, ND04 |
| ND01 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| ND02 | 0 | 1 | 0.2 | 0 | 0 | 0.4 |
| ND03 | 0 | 0.2 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| ND04 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0.6 |
| ND05 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| ND02, ND04 | 0 | 0.4 | 0 | 0.6 | 0 | 1 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đèn báo lỗi, bảng hiển thị | | | | | | | |
|  | DB01 | DB02 | DB03 | DB04 | DB02, DB03 | DB02, DB04 | DB02, DB03, DB04 |
| DB01 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| DB02 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0.7 | 0.5 | 0.4 |
| DB03 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0.4 | 0 | 0.2 |
| DB04 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0.3 | 0.2 |
| DB02, DB03 | 0 | 0.7 | 0.4 | 0 | 1 | 0.2 | 0.3 |
| DB02, DB04 | 0 | 0.5 | 0 | 0.3 | 0.2 | 1 | 0.3 |
| DB02, DB03, DB04 | 0 | 0.4 | 0.2 | 0.2 | 0.3 | 0.3 | 1 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Quạt dàn lạnh | | | | |
|  | QL01 | QL02 | QL03 | QL04 |
| QL01 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| QL02 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| QL03 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| QL04 | 0 | 0 | 0 | 1 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Quạt dàn nóng | | | | | |
|  | QN01 | QN02 | QN03 | QN04 | QN03, QN04 |
| QN01 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| QN02 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| QN03 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0.5 |
| QN04 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0.4 |
| QN03, QN04 | 0 | 0 | 0.5 | 0.4 | 1 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cục nóng | | | | | | | | | | | | |
|  | CN01 | CN02 | CN03 | CN04 | CN05 | CN06 | CN07 | CN02, CN03 | CN02, CN05 | CN02, CN07 | CN02, CN03, CN07 | CN02, CN05, CN07 |
| CN01 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| CN02 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0.7 | 0.6 | 0.6 | 0.4 | 0.4 |
| CN03 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0.7 | 0 | 0 | 0.3 | 0 |
| CN04 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| CN05 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0.6 | 0 | 0 | 0.3 |
| CN06 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| CN07 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0.6 | 0.5 | 0.5 |
| CN02, CN03 | 0 | 0.7 | 0.7 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0.4 | 0.6 | 0.2 |
| CN02, CN05 | 0 | 0.6 | 0 | 0 | 0.6 | 0 | 0 | 0.4 | 1 | 0.4 | 0.2 | 0.6 |
| CN02, CN07 | 0 | 0.6 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0.6 | 0.4 | 0.4 | 1 | 0.7 | 0.7 |
| CN02, CN03, CN07 | 0 | 0.4 | 0.3 | 0 | 0 | 0 | 0.5 | 0.6 | 0.2 | 0.7 | 1 | 0.6 |
| CN02, CN05, CN07 | 0 | 0.4 | 0 | 0 | 0.3 | 0 | 0.5 | 0.2 | 0.6 | 0.7 | 0.6 | 1 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ống đồng | | |
|  | OD01 | OD02 |
| OD01 | 1 | 0 |
| OD02 | 0 | 1 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mùi | | | |
|  | M01 | M02 | M03 |
| M01 | 1 | 0 | 0 |
| M02 | 0 | 1 | 0.3 |
| M03 | 0 | 0.3 | 1 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tín hiệu remote | | | |
|  | TH01 | TH02 | TH03 |
| TH01 | 1 | 0 | 0 |
| TH02 | 0 | 1 | 0 |
| TH03 | 0 | 0 | 1 |

* 1. Tủ lạnh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Khả năng làm lạnh | | | | |
|  | LL01 | LL02 | LL03 | LL04 |
| LL01 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| LL02 | 0 | 1 | 0.5 | 0 |
| LL03 | 0 | 0.5 | 1 | 0 |
| LL04 | 0 | 0 | 0 | 1 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đèn | | | |
|  | D01 | D02 | D03 |
| D01 | 1 | 0 | 0 |
| D02 | 0 | 1 | 0.1 |
| D03 | 0 | 0.1 | 1 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Block | | | | | |
|  | B01 | B02 | B03 | B04 | B02, B03 |
| B01 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| B02 | 0 | 1 | 0 | 0.2 | 0.2 |
| B03 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0.7 |
| B04 | 0 | 0.2 | 0 | 1 | 0.1 |
| B02, B03 | 0 | 0.2 | 0.7 | 0.1 | 1 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ống đồng | | | | |
|  | OD01 | OD02 | OD03 | OD02, OD03 |
| OD01 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| OD02 | 0 | 1 | 0 | 0.5 |
| OD03 | 0 | 0 | 1 | 0.5 |
| OD02, OD03 | 0 | 0.5 | 0.5 | 1 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhiệt độ | | | | |
|  | ND01 | ND02 | ND03 | ND04 |
| ND01 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| ND02 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| ND03 | 0 | 0 | 1 | 0.5 |
| ND04 | 0 | 0 | 0.5 | 1 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Hoạt động | | | | | | | | | | | |
|  | HD01 | HD02 | HD03 | HD04 | HD05 | HD06 | HD07 | HD08 | HD01, HD08 | HD02, HD08 | HD05, HD07 |
| HD01 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0.2 | 0 | 0 |
| HD02 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0.5 | 0 |
| HD03 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0.5 | 0.5 | 0.1 | 0.1 | 0.2 |
| HD04 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0.2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| HD05 | 0 | 0 | 0 | 0.2 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0.6 |
| HD06 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| HD07 | 0 | 0 | 0.5 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0.2 | 0.1 | 0.1 | 0.4 |
| HD08 | 0 | 0 | 0.5 | 0 | 0 | 0 | 0.2 | 1 | 0.8 | 0.5 | 0.1 |
| HD01, HD08 | 0.2 | 0 | 0.1 | 0 | 0 | 0 | 0.1 | 0.8 | 1 | 0 | 0 |
| HD02, HD08 | 0 | 0.5 | 0.1 | 0 | 0 | 0 | 0.1 | 0.5 | 0 | 1 | 0.1 |
| HD05, HD07 | 0 | 0 | 0.2 | 0 | 0.6 | 0 | 0.4 | 0.1 | 0 | 0.1 | 1 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tình trạng | | | | | | | | | | | |
|  | TT01 | TT02 | TT03 | TT04 | TT05 | TT06 | TT07 | TT08 | TT02, TT07 | TT03, TT06 | TT04, TT05 |
| TT01 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| TT02 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0.5 | 0 | 0.5 | 0 | 0 |
| TT03 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0.5 | 0 |
| TT04 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0.3 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0.3 |
| TT05 | 0 | 0 | 0 | 0.3 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0.7 |
| TT06 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0.5 | 0 |
| TT07 | 0 | 0.5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0.5 | 0 | 0 |
| TT08 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| TT02, TT07 | 0 | 0.5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0.5 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| TT03, TT06 | 0 | 0 | 0.5 | 0 | 0 | 0.5 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| TT04, TT05 | 0 | 0 | 0 | 0.3 | 0.7 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Dàn nóng | | | |
|  | DN01 | DN02 | DN03 |
| DN01 | 1 | 0 | 0 |
| DN02 | 0 | 1 | 0 |
| DN03 | 0 | 0 | 1 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Khả năng bảo quản | | |
|  | BQ01 | BQ02 |
| BQ01 | 1 | 0 |
| BQ02 | 0 | 1 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mùi | | | | |
|  | M01 | M02 | M03 | M02, M03 |
| M01 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| M02 | 0 | 1 | 0.5 | 0.7 |
| M03 | 0 | 0.5 | 1 | 0.3 |
| M02, M03 | 0 | 0.7 | 0.3 | 1 |

1. Kịch bản vận hành hệ thống
2. Kịch bản chuẩn đoán và tư vấn sửa chữa

* Khi bắt đầu hệ thống sẽ hỏi người dùng muốn tư vấn đề của điều hoà hay tủ lạnh. Người dùng sẽ nhập vào lựa chọn tương ứng (1 là điều hoà, 2 là tủ lạnh)
* Sau đó hệ thống sẽ lần lượt hỏi người dùng về tình trạng trên thiết bị của họ dựa trên các tiêu chí:
* Đối với điều hoà:

+ Nhiệt độ

+ Hoạt động

+ Quạt dàn lạnh

+ Tình trạng

+ Quạt dàn nóng

+ Đèn, bảng hiển thị

+ Ống đồng

+ Cục nóng

+ Mùi

+ Tín hiệu

* Đối với tủ lạnh

+ Khả năng làm lạnh

+ Đèn

+ Block

+ Ống đồng

+ Nhiệt độ

+ Hoạt động

+ Tình trạng

+ Dàn nóng

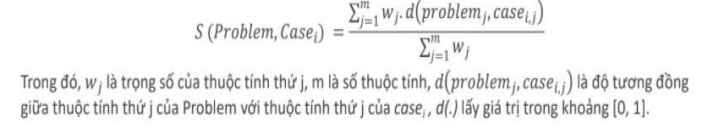
+ Khả năng bảo quản

+ Mùi

Hệ thống sẽ đưa ra các dấu hiệu ứng với từng tiêu chí và người dùng sẽ lựa chọn những chọn những dấu hiệu đó bằng cách nhập số. Nếu có nhiều dấu hiệu thì nhập các số được ngăn cách nhau bởi dấu “.”

* Sau khi đã nhập hết tất cả các dấu hiệu dựa theo tiêu chí, hệ thống sẽ thực hiện so sánh với các case mẫu và tính toán

Công thức để so sánh với các case có trong hệ thống:



Nếu S 0.9: Kết luận chắc chắn bị bệnh

Nếu 0.8 S < 0.9: Có tỉ lệ cao bị bệnh

Nếu 0.5 < S < 0.8: Có khả năng bị bệnh

Nếu S 0.5: Hệ thống sẽ thông báo không kết luận được bệnh.

Đối với S > 0.5 sẽ đưa ra tư vấn sửa chữa

Cách tính toán của hệ thống:

Dựa vào thông tin đầu vào sẽ thực hiện tính S với từng case có trong hệ thống sau đó chọn ra case có S lớn nhất để kết luận

1. Ví dụ